

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2024**  
**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC**  
**CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**  
*Đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt*  
*Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh*

## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
1. Báo cáo của Ban Lãnh đạo	2 – 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 – 6
<i><b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b></i>	
3. Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	7 – 8
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024	9
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2024	10
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2024	11 – 42

\*\*\*\*\*

## **BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO**

Ban Lãnh đạo Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận (sau đây viết tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng các Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2024 của Công ty.

### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận hoạt động theo **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên** do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp, Mã số doanh nghiệp **4500140073**, đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 1996, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 29 tháng 5 năm 2024 nhằm thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

**Vốn điều lệ** : 1.729.907.238.845 **Đồng**

**Chủ sở hữu** : Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận

**Lĩnh vực hoạt động kinh doanh** : Hoạt động thủy lợi công ích và ngoài công ích

### **Trụ sở chính**

**Địa chỉ** : Số 144 Đường 21/8, Phường Phước Mỹ, Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

**Điện thoại** : (0259) 3823 338

**Fax** : (0259) 3825 500

**Mã số DN** : 4500140073

### **CHỦ TỊCH CÔNG TY, KIỂM SOÁT VIÊN VÀ BAN ĐIỀU HÀNH**

Chủ tịch Công ty, Kiểm soát viên và Ban Điều hành của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này như sau:

#### **Chủ tịch Công ty**

Ông Nguyễn Công Xung                      bổ nhiệm từ ngày 25/6/2020 (nhiệm kỳ 5 năm)

# CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN

Báo cáo của Ban Lãnh đạo (tiếp theo)

---

## Kiểm soát viên

1. Ông Nguyễn Văn Hiếu Kiểm soát viên chuyên trách
2. Bà Huỳnh Trà Phương Thanh Kiểm soát viên không chuyên trách

## Ban Điều hành

1. Ông Lê Phạm Hòa Bình Giám đốc – bổ nhiệm từ ngày 08/01/2024 (nhiệm kỳ 5 năm)
2. Ông Lưu Anh Tuấn Phó Giám đốc
3. Ông Phùng Đình Thanh Phó Giám đốc
4. Ông Lê Phước Kế toán trưởng

## Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Ông Nguyễn Công Xung Chủ tịch công ty từ ngày 20/05/2024 đến nay
2. Ông Lê Phạm Hòa Bình Giám đốc đến ngày 20/05/2024

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt - Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2024 của Công ty.

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán 2024 kết thúc cùng ngày của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 07 đến trang 42.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính này và cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- \* Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- \* Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;

# CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN

Báo cáo của Ban Lãnh đạo (tiếp theo)

- \* Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- \* Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- \* Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán thích hợp đã được lưu giữ đầy đủ cũng như các Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán 2024 kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác; đồng thời cam kết thực hiện đúng các quy định công bố Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho các cơ quan quản lý Nhà nước.

## PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chủ tịch Công ty phê duyệt các Báo cáo tài chính kèm theo, các Báo cáo này đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán 2024 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Công ty



**Nguyễn Công Xung – Chủ tịch Công ty**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, ngày 26 tháng 02 năm 2025

Số: 0409.01.01/2025/BCTC-NTV.HCM

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**KÍNH GỬI: CHỦ SỞ HỮU, CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC**  
**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2024 kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận, được lập ngày 26 tháng 02 tháng 2025, từ trang 07 đến trang 42, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2024 kết thúc cùng ngày.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh

giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán 2024 kết thúc cùng ngày của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận.

Báo cáo tài chính đính kèm đã được trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2025

**Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt**  
**Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh**



---

**Giám đốc – Võ Công Tuấn**

*Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán*  
Số: 0486-2023-124-1

---

**Kiểm toán viên – Nguyễn Thị Huyền Trang**

*Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán*  
Số: 4287-2023-124-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

ĐVT: Đồng

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>43.077.927.889</b>	<b>73.329.156.017</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		<b>35.718.421.184</b>	<b>32.770.290.867</b>
111	1. Tiền	V.1	9.718.421.184	3.770.290.867
112	2. Các khoản tương đương tiền	V.2	26.000.000.000	29.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		-	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>6.813.668.601</b>	<b>40.229.090.755</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	4.190.999.444	10.514.851.576
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	159.063.461	27.882.089.788
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	2.463.605.696	1.832.149.391
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>296.113.994</b>	<b>77.989.992</b>
141	1. Hàng tồn kho	V.6	296.113.994	77.989.992
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>249.724.110</b>	<b>251.784.403</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7	204.493.943	89.293.484
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.8	45.230.167	162.490.919
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>2.992.872.316.617</b>	<b>2.915.412.013.575</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		-	-
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>2.989.742.181.863</b>	<b>2.911.908.585.649</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	2.989.742.181.863	2.911.908.585.649
222	- Nguyên giá		3.059.695.714.624	2.980.214.208.975
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(69.953.532.761)	(68.305.623.326)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		-	-
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		-	-
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		-	-
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>3.130.134.754</b>	<b>3.503.427.926</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.10	3.130.134.754	3.503.427.926
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>3.035.950.244.506</b>	<b>2.988.741.169.592</b>



**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**

Bảng Cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>20.379.549.818</b>	<b>28.334.315.596</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>20.379.549.818</b>	<b>28.334.315.596</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.11	6.508.183.569	14.391.590.261
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.12	1.354.987.272	794.872.425
314	3. Phải trả người lao động	V.13	7.163.263.523	8.409.142.752
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.14	43.200.000	43.200.000
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	V.15	9.963.742	95.812.221
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.16	5.299.951.712	4.599.697.937
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		-	-
<b>400</b>	<b>D VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>V.17</b>	<b>3.015.570.694.688</b>	<b>2.960.406.853.996</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>3.012.436.461.688</b>	<b>2.932.183.456.969</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	V.17.1	2.999.856.210.217	2.919.224.040.765
418	2. Quỹ đầu tư phát triển	V.17.2	4.657.309.709	5.990.225.204
421	3. Lợi nhuận sau thuế (LNST) chưa phân phối	V.17.3	7.891.670.690	6.937.919.928
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		7.891.670.690	6.937.919.928
422	4. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	V.17.4	31.271.072	31.271.072
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí</b>		<b>3.134.233.000</b>	<b>28.223.397.027</b>
431	1. Nguồn kinh phí	V.17.5	3.134.233.000	28.223.397.027
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>3.035.950.244.506</b>	<b>2.988.741.169.592</b>

Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, ngày 26 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Võ Phạm Bảo Thu

Kế toán trưởng

Lê Phước

Chủ tịch Công ty

Người đại diện theo pháp luật của Công ty



Nguyễn Công Xung

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2024

ĐVT: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		112.337.223.204	113.349.552.064
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	VI.18	112.337.223.204	113.349.552.064
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.19	96.584.238.419	98.380.700.338
20	5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		15.752.984.785	14.968.851.726
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.20	711.909.984	1.546.189.347
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.21	8.054.079.854	8.955.427.702
30	10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		8.410.814.915	7.559.613.371
31	11. Thu nhập khác	VI.22	283.798.095	190.613.272
32	12. Chi phí khác	VI.23	19.380.500	7.656.950
40	13. <b>Lợi nhuận khác</b>		264.417.595	182.956.322
50	14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		8.675.232.510	7.742.569.693
51	15. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.24	783.561.820	804.649.765
60	16. <b>Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp</b>		7.891.670.690	6.937.919.928

Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, ngày 26 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu



Võ Phạm Bảo Thu

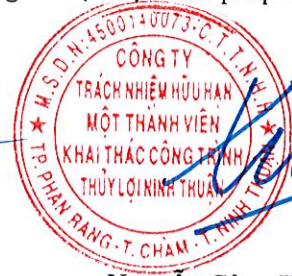
Kế toán trưởng



Lê Phước

Chủ tịch Công ty

Người đại diện theo pháp luật của Công ty



Nguyễn Công Xưng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2024

(Theo phương pháp trực tiếp)

ĐVT: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		121.201.182.995	115.978.419.154
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(64.268.641.329)	(56.152.592.637)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(38.352.006.242)	(33.880.640.966)
05	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.12	(807.200.000)	(407.134.748)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		5.410.689.147	1.722.709.425
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(16.627.540.185)	(15.097.038.724)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>6.556.484.386</b>	<b>12.163.721.504</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.448.910.580)	(3.133.858.252)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	VI.22	-	97.318.181
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		749.211.353	1.625.389.345
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(1.699.699.227)</b>	<b>(1.411.150.726)</b>
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.908.654.842)	(2.836.078.146)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(1.908.654.842)</b>	<b>(2.836.078.146)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>2.948.130.317</b>	<b>7.916.492.632</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	V.1	<b>32.770.290.867</b>	<b>24.853.798.235</b>
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	V.1	<b>35.718.421.184</b>	<b>32.770.290.867</b>

Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, ngày 26 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu



Võ Phạm Bảo Thu

Kế toán trưởng



Lê Phước

Chủ tịch Công ty

Người đại diện theo pháp luật của Công ty



Nguyễn Công Xung

# **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**NĂM 2024**

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không thể tách rời các Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2024 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận (sau đây gọi tắt là “Công ty”).

## **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**Hình thức sở hữu vốn** : Công ty TNHH Một thành viên thuộc sở hữu Nhà nước

**Lĩnh vực hoạt động** : Dịch vụ công ích, ngoài công ích

**Ngành nghề kinh doanh** :

Công ty đang thực hiện các hoạt động kinh doanh như sau:

**\* *Ngành nghề kinh doanh chính***

Quản lý, khai thác, vận hành các hệ thống công trình thủy lợi phục vụ hoạt động tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt và dân sinh kinh tế.

**\* *Ngành nghề kinh doanh có liên quan đến ngành nghề kinh doanh chính***

- Khai thác, cung cấp nước cho sản xuất nước sinh hoạt, công nghiệp cho các cá nhân, tổ chức có nhu cầu; cung cấp cho các tổ chức và cá nhân sử dụng nước từ công trình thủy lợi để phát điện.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: khảo sát, thiết kế, giám sát, thi công xây dựng các công trình thủy lợi; khảo sát, thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp; tư vấn lập hồ sơ mời thầu, phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu; tư vấn thẩm tra dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, tổng dự toán công trình.

### **Cấu trúc Công ty**

Công ty là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước hoạt động theo mô hình Chủ tịch Công ty.

Cơ cấu tổ chức Công ty gồm có Chủ tịch công ty, Ban Giám đốc, Kiểm soát viên chuyên trách và Kiểm soát viên không chuyên trách; 01 Kế toán trưởng, 01 bộ phận khối văn phòng gồm 04 phòng chuyên môn; 01 ban kiểm soát nội bộ và 08 đơn vị trực thuộc đóng trên địa bàn 07 huyện, thành phố thực hiện quản lý điều tiết cung cấp nước phục vụ dân sinh kinh tế trên địa bàn trong và ngoài tỉnh Ninh Thuận.

N. C  
C  
ÁCH  
KIẾ  
HẢI  
V. H. T.

Các Trạm thủy nông là đơn vị phụ thuộc Công ty, bao gồm:

**1. Trạm Thủy nông Ninh Phước**

- Địa chỉ: Khu phố 5, Thị trấn Phước Dân, Huyện Ninh Phước, Tỉnh Ninh Thuận
- Mã số địa điểm: **0001**

**2. Trạm Thủy nông Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm**

- Địa chỉ: Số 28, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Mỹ Bình, Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
- Mã số địa điểm: **0002**

**3. Trạm Thủy nông Thuận Bắc**

- Địa chỉ: Xã Lợi Hải, Huyện Thuận Bắc, Tỉnh Ninh Thuận
- Mã số địa điểm: **0003**

**4. Trạm Thủy nông Ninh Sơn**

- Địa chỉ: Thị trấn Tân Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận
- Mã số địa điểm: **0004**

**5. Trạm Thủy nông Ninh Hải**

- Địa chỉ: Thôn Gò Sạn, Xã Bắc Phong, Huyện Thuận Bắc, Tỉnh Ninh Thuận
- Mã số địa điểm: **0005**

**6. Trạm Thủy nông Bác Ái**

- Địa chỉ: Xã Phước Đại, Huyện Bác Ái, Tỉnh Ninh Thuận
- Mã số địa điểm: **0006**

**7. Trạm Thủy nông Thuận Nam**

- Địa chỉ: Xã Phước Nam, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận
- Mã số địa điểm: **0007**

**8. Trạm Thủy nông Sông Cái - Tân Mỹ**

- Địa chỉ: Xã Phước Hoà, Huyện Bác Ái, Tỉnh Ninh Thuận
- Mã số địa điểm: 0008

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán năm**

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan.

**Hình thức sổ kế toán**

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Chứng từ ghi sổ.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

**2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

- Tiền bao gồm tiền mặt tại Quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.
- Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**3. Các khoản phải thu**

- Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi trên hóa đơn, chứng từ gốc trừ dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.
- Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải thu.

**4. Hàng tồn kho**

- Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp Bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp Kế khai thường xuyên.

**5. Tài sản cố định hữu hình**

- Tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.
- Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ kế toán.
- Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính.

## CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2024

- Riêng các tài sản cố định là hệ thống công trình thủy lợi hồ, đập, kênh mương,..., Công ty không trích khấu hao, chỉ mở sổ chi tiết theo dõi giá trị hao mòn hàng năm của từng tài sản theo quy định tại Khoản b, Mục 6, Điều 7 của Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15/08/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn sử dụng nguồn tài chính trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước.
- Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

<b>Nhóm Tài sản cố định</b>	<b>Số năm</b>
+ Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
+ Máy móc và thiết bị	7 - 15
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
+ Tài sản cố định khác	4 - 10
+ Các Công trình thủy lợi: Hồ đập, đê, kênh...	Không khấu hao

### 6. Các khoản trả trước

- Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán.
- Chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

### 7. Nợ phải trả

- Các khoản nợ phải trả được phân loại theo tính chất kinh tế và phản ánh theo giá gốc bao gồm:
  - + Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ;
  - + Phải trả khác là các khoản phải trả không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ.
- Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.
- Trên Bảng Cân đối kế toán, các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả.





**8. Chi phí phải trả**

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc nhà thầu nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo phải trích trước.

**9. Vốn chủ sở hữu**

❖ ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Là vốn thuộc quyền sở hữu của Nhà nước bao gồm vốn thực góp và vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

❖ ***Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối***

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

❖ ***Trích lập các quỹ***

- Việc phân phối lợi nhuận và sử dụng các Quỹ trích lập từ lợi nhuận (Quỹ Đầu tư phát triển; Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi; Quỹ Khen thưởng Ban điều hành quản lý) được trích lập và sử dụng theo quy định tại Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2015, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018, Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ về đầu tư vốn của Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; Điều lệ hoạt động; Quy chế tài chính của Công ty.
- Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Quyết định của Chủ tịch Công ty hàng năm sau khi có Văn bản thống nhất thông qua phương án trích lập các quỹ của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

**10. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**

❖ ***Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là doanh thu từ việc cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi***

- Doanh thu cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi được Nhà nước hỗ trợ là khoản doanh thu được ngân sách cấp hỗ trợ do việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích cho các đối tượng được thuộc diện được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận phê duyệt, quyết toán diện tích và kinh phí được dựa trên cơ sở nghiệm thu diện tích thực tế mà



# CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2024

Công ty cung cấp nước tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp theo hợp đồng tưới và nghiệm thu thanh lý diện tích.

- Doanh thu cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi thuộc diện không được Nhà nước hỗ trợ là khoản tiền thực tế đã thu được trong năm theo hợp đồng và thanh lý hợp đồng tưới nước phục vụ sản xuất nông nghiệp với các tổ chức hợp tác dùng nước không thuộc đối tượng được Nhà nước hỗ trợ.

## ❖ ***Doanh thu cung cấp sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác***

Doanh thu cung cấp sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác là khoản tiền được khách hàng chấp nhận thanh toán từ việc cung cấp nước thô cho nhà máy nước sinh hoạt sản xuất nước sạch, các nhà máy sản xuất nước công nghiệp theo biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng; doanh thu chia sẻ từ việc kết hợp phát điện.

## ❖ ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- a. Kết quả của giao dịch được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể.
- b. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- d. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

## ❖ ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## 11. **Các khoản chi phí**

- Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.
- Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn. Chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán phải căn cứ vào bản chất và các Chuẩn mực kế toán để phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

## CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2024

### 12. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận đúng kỳ và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

### 13. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

- Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp tính trên Thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN hiện hành.
- Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế và giá trị ghi sổ, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### 14. Báo cáo theo bộ phận

- Bộ phận báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.
- Công ty không trình bày Bộ phận báo cáo theo khu vực địa lý do toàn bộ hoạt động kinh doanh được thực hiện tại Việt Nam nên không có sự khác biệt lớn về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các khu vực địa lý.
- Công ty trình bày Bộ phận báo cáo theo các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác nhau. Tuy nhiên, Công ty không phân loại được tài sản và nợ phải trả do toàn bộ tài sản và nợ phải trả đều phục vụ cho hoạt động liên quan đến thủy lợi.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

	ĐVT: Đồng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tiền		
- Tiền mặt tại quỹ	173.028.067	197.882.941
- Tiền gửi ngân hàng	9.545.393.117	3.572.407.926
<b>Cộng</b>	<b>9.718.421.184</b>	<b>3.770.290.867</b>

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**  
 Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)  
 Năm 2024

**2. Các khoản tương đương tiền**

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại, nhận lãi khi đáo hạn, chi tiết như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ninh Thuận	5.000.000.000	9.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Ninh Thuận	10.000.000.000	12.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Ninh Thuận	6.000.000.000	4.000.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN TP Phan Rang Tháp Chàm	5.000.000.000	4.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>26.000.000.000</b>	<b>29.000.000.000</b>

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

- Công ty Cổ phần Cấp Nước Ninh Thuận	2.037.885.300	2.003.236.200
- Công ty Cổ phần Thủy điện Tân Mỹ	1.225.625.516	1.326.464.437
- Công ty Cổ phần Đầu tư Vinacco	820.234.308	935.253.239
- Công ty TNHH Sản xuất - Chăn nuôi Chánh Phong	39.965.400	53.238.600
- Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận (*)	-	6.025.202.000
- Các đối tượng khác	67.288.920	171.457.100
<b>Cộng</b>	<b>4.190.999.444</b>	<b>10.514.851.576</b>

(\*) Khoản kinh phí được hỗ trợ từ việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi công ích trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận do Ngân sách cấp thông qua cơ quan đại diện quản lý tài chính tại địa phương là Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận.

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**  
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)  
Năm 2024

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Hưng Thịnh	50.000.000	1.746.092.221
- Chi nhánh miền Trung - Công ty TNHH Tư vấn Trường Đại học Thủy Lợi	34.233.000	244.602.653
- Công ty TNHH TM và XD Sơn Long Thuận	-	11.335.218.369
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tre Xanh	-	6.408.287.951
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Tích hợp công nghệ D&L	-	4.391.288.756
- Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng Miền Trung	-	1.364.185.483
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	-	986.135.496
- Viện Kỹ thuật Công trình	-	483.525.845
- Công ty TNHH ĐTPT Quốc tế Toàn Thắng	-	252.440.000
- Tổng Công ty CP Bảo Minh - Bảo Minh Ninh Thuận	-	240.862.698
- Các đối tượng khác	74.830.461	429.450.316
<b>Cộng</b>	<b>159.063.461</b>	<b>27.882.089.788</b>

**5. Phải thu ngắn hạn khác**

- Tạm ứng cho người lao động	54.500.000	66.774.000
- Lợi nhuận nộp về Ngân sách nhà nước (*)	2.371.190.561	1.708.654.842
- Lãi dự thu của các khoản tiền gửi có kỳ hạn	19.419.180	56.720.549
- Các khoản phải thu khác	18.495.955	-
<b>Cộng</b>	<b>2.463.605.696</b>	<b>1.832.149.391</b>

(\*) Khoản lợi nhuận còn lại sau thuế sau khi trích lập các quỹ: Công ty dự kiến xếp loại doanh nghiệp hoạt động trong năm 2024 được xếp loại A, dự kiến phải nộp 2.371.190.561 đồng vào ngân sách nhà nước, ghi nhận vào khoản phải thu khác. Sau khi được UBND tỉnh Ninh Thuận có quyết định đánh giá xếp loại doanh nghiệp và thông qua phương án phân phối lợi nhuận, Công ty sẽ thực hiện phân phối từ lợi nhuận sau thuế theo quy định.

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**  
 Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)  
 Năm 2024

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>6. Hàng tồn kho</b>	<b>296.113.994</b>	<b>77.989.992</b>

Giá trị hàng tồn kho cuối năm là nguyên vật liệu dùng sửa chữa, bảo trì công trình thủy lợi.

**7. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Nội dung	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ trong năm	Số cuối năm
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	89.293.484	261.548.798	(261.206.750)	89.635.532
- Phí bảo hiểm	-	204.504.000	(89.645.589)	114.858.411
<b>Cộng</b>	<b>89.293.484</b>	<b>466.052.798</b>	<b>(350.852.339)</b>	<b>204.493.943</b>

**8. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	45.230.167	21.591.987
- Thuế Thu nhập cá nhân	-	72.503.396
- Thuế Nhà đất và tiền thuê đất	-	68.395.536
<b>Cộng</b>	<b>45.230.167</b>	<b>162.490.919</b>

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THỤẬN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2024

**9. Tài sản cố định hữu hình**

Chi tiêu	Nhóm TS	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (1)	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>								
- Số đầu năm		30.535.247.104	736.210.281	2.022.892.792	480.400.400	2.946.271.458.398	168.000.000	2.980.214.208.975
- XDCB hoàn thành (2)		2.266.266.029	-	-	-	-	-	2.266.266.029
- Tăng khác (3)		-	-	-	-	77.217.877.979	-	77.217.877.979
- Giảm khác (4)		(2.638.359)	-	-	-	-	-	(2.638.359)
- Số cuối năm		<b>32.798.874.774</b>	<b>736.210.281</b>	<b>2.022.892.792</b>	<b>480.400.400</b>	<b>3.023.489.336.377</b>	<b>168.000.000</b>	<b>3.059.695.714.624</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>								
- Số đầu năm		14.755.919.412	552.330.614	1.207.361.084	431.439.289	51.211.197.927	147.375.000	68.305.623.326
- Khấu hao trong năm		1.484.548.935	23.474.000	91.461.500	27.800.000	-	20.625.000	1.647.909.435
- Số cuối năm		<b>16.240.468.347</b>	<b>575.804.614</b>	<b>1.298.822.584</b>	<b>459.239.289</b>	<b>51.211.197.927</b>	<b>168.000.000</b>	<b>69.953.532.761</b>
<b>Giá trị còn lại</b>								
- Số đầu năm		15.779.327.692	183.879.667	815.531.708	48.961.111	2.895.060.260.471	20.625.000	2.911.908.585.649
- Số cuối năm		<b>16.558.406.427</b>	<b>160.405.667</b>	<b>724.070.208</b>	<b>21.161.111</b>	<b>2.972.278.138.450</b>	<b>-</b>	<b>2.989.742.181.863</b>
<b>Nguyên giá TSCĐ khấu hao hết còn sử dụng</b>								
- Số đầu năm		626.730.414	384.100.281	1.108.277.792	310.200.400	-	78.000.000	2.507.308.887
- Số cuối năm		1.430.146.363	384.100.281	1.108.277.792	421.800.400	-	168.000.000	<b>3.512.324.836</b>

## CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2024

- 9.1 Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi là các hồ, đập, kênh thủy lợi, đê kè... được Nhà nước giao quản lý theo các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận. Công ty không trích khấu hao, chỉ mở sổ chi tiết theo dõi giá trị hao mòn hàng năm của từng tài sản theo quy định tại Khoản b, Mục 6, Điều 7 của Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15/08/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn sử dụng nguồn tài chính trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước

Tình hình biến động về **Giá trị hao mòn** trong năm:

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	1.174.796.257.173	966.591.463.405
- Phát sinh trong năm	231.204.846.007	208.204.793.768
- <b>Số cuối năm</b>	<b>1.406.001.103.180</b>	<b>1.174.796.257.173</b>

- 9.2 Trong năm, Công ty đã thực hiện đầu tư nâng cấp, sửa chữa 04 công trình là các Nhà quản lý các hồ, đập, với tổng mức vốn đầu tư là **2.300.000.000 Đồng** từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận căn cứ theo Quyết định số 111/QĐ-CTKTTL ngày 21/5/2024 của Chủ tịch Công ty về việc phê duyệt danh mục công trình do Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận quản lý từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển của Công ty năm 2024.

Tại thời điểm cuối năm, các công trình đã hoàn thành và đưa vào sử dụng. Công ty đã thực hiện ghi tăng tài sản theo giá trị tạm tính **2.266.266.029 Đồng**. Khi có quyết định phê duyệt quyết toán, Công ty sẽ ghi giảm Quỹ đầu tư phát triển và ghi tăng Vốn góp của chủ sở hữu.

- 9.3 Các khoản tăng do nhận bàn giao các dự án theo các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận, chi tiết như sau:

- theo Quyết định số 114/QĐ-UBND ngày 21/02/2024	20.756.633.433
- theo Quyết định số 538/QĐ-UBND ngày 14/5/2024	33.801.582.694
- theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 10/7/2024	22.659.661.852
<b>Cộng</b>	<b>77.217.877.979</b>

- Nhận bàn giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, hệ thống thủy lợi trạm bơm khu đất khai hoang bãi vật liệu hồ Bà Râu – xã Phước Kháng; Hệ thống thủy lợi U Gớ và Suối câu, theo Quyết định số 114/QĐ-UBND ngày 21/02/2024 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận để quản lý và sử dụng, giá trị phê duyệt quyết toán là: **20.756.633.433 Đồng**.



## CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2024

- Nhận bàn giao Dự án: Nâng cấp, sửa chữa Hồ chứa nước Trà Co và Phước Nhơn thuộc huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận theo Quyết định số 538/QĐ-UBND ngày 14/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận, giá trị phê duyệt quyết toán là: **33.801.582.694** Đồng.
  - Nhận bàn giao tài sản công trình kiên cố hệ thống kênh mương cấp 2, 3 Hồ chứa nước Tân Giang, huyện Ninh Phước thuộc dự án khắc phục hậu quả thiên tai tại một số tỉnh Miền Trung, theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 10/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận để quản lý và sử dụng, giá trị phê duyệt quyết toán là: **22.659.661.852** Đồng.
- 9.4 Điều chỉnh giảm theo Quyết định số 1554/QĐ-CTKTTL-KHKT ngày 24/7/2024 của Chủ tịch Công ty về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành công trình: Sửa chữa, nâng cấp trụ sở Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận, TP. Phan Rang Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.
- 9.5 Tình hình quản lý và sử dụng các công trình thủy lợi
- Các tài sản của Công ty đang quản lý và sử dụng hầu hết là kết cấu hạ tầng các công trình thủy lợi. Đặc thù các tài sản này là ở ngoài trời đóng ở các vị trí, khu vực xa xôi, hẻo lánh khó khăn trong công tác quản lý bảo vệ. Một số công trình chịu tác động từ thiên nhiên đã xuống cấp nghiêm trọng điển hình như: Trạm bơm Sơn Hải thuộc dự án khu nuôi tôm công nghiệp Sơn Hải, nằm ở cạnh biển, thường xuyên chịu tác động của các đợt sóng biển, nay đã xuống cấp nghiêm trọng không còn sử dụng được. Tuy nhiên năm 2012, sau khi được UBND tỉnh bàn giao quản lý công trình này (do Ban quản lý dự án khu nuôi tôm công nghiệp Sơn Hải thuộc Sở Thủy sản làm chủ đầu tư), Công ty đã ghi nhận tăng tài sản, tăng vốn điều lệ theo dự toán, đến nay vẫn chưa có quyết định phê duyệt quyết toán hoàn thành công trình.
  - Trong năm 2024, Đập Tuấn Tú xây dựng từ lâu đã xuống cấp nghiêm trọng, hiện nay Đập Tuấn Tú đã bị sập hoàn toàn, Công ty được UBND tỉnh giao làm chủ đầu tư xây dựng mới Đập Tuấn Tú. Công ty đã lập Tờ trình số 30/TTr-CTKTTL ngày 06/02/2025 về việc trình quyết định xử lý đối với đập Tuấn Tú; đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép ghi giảm vốn chủ sở hữu, giảm giá trị tài sản đã ghi nhận trên báo cáo tài chính. Sau khi xây dựng và quyết toán xong Dự án xây dựng Đập Tuấn Tú, Công ty sẽ thực hiện ghi tăng tài sản, tăng vốn chủ sở hữu theo quy định.

### 10. Chi phí trả trước dài hạn

Nội dung	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ trong năm	Số cuối năm
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	564.921.754	503.129.200	(439.669.143)	628.381.811
- Chi phí quản lý vận hành Công trình Thủy lợi (*)	2.938.506.172	687.561.084	(1.124.314.313)	2.501.752.943
<b>Cộng</b>	<b>3.503.427.926</b>	<b>1.190.690.284</b>	<b>(1.563.983.456)</b>	<b>3.130.134.754</b>

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**  
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)  
Năm 2024

- (\*) Là các khoản chi phí lập hồ sơ cho công tác quản lý, vận hành các công trình thủy lợi, được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian 05 năm.

**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng Miền Trung	728.544.504	624.641.083
- Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Hưng Thịnh	707.902.033	480.970.062
- Công ty Cổ phần Gia Việt	567.721.000	595.828.000
- Công ty Cổ phần Công nghệ DL Group	556.002.445	-
- Công ty TNHH TM Khang Thịnh Ninh Thuận	390.845.000	23.705.000
- Công ty TNHH Thi công Xây dựng Đức Minh	346.851.363	417.322.000
- Công ty TNHH Đầu tư XD Khải Hoàn Ninh Thuận	281.522.000	267.747.291
- Công ty TNHH Kiểm toán Phương Đông	210.590.838	251.331.885
- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Dũng Tâm	145.402.000	1.085.867.000
- Công ty TNHH Tư vấn XD An Lộc Ninh Thuận	134.458.758	378.084.005
- Công ty TNHH Thương mại & Xây dựng Tân Phát	71.120.000	619.098.000
- Công ty TNHH Cơ điện Hawaco	70.708.000	672.504.000
- Công ty Cổ phần Công nghệ Hạ tầng Cơ sở Aitogy	42.788.200	599.083.200
- Các đối tượng khác	2.041.968.684	5.331.212.454
<b>Cộng</b>	<b>6.508.183.569</b>	<b>14.391.590.261</b>

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI NINH THUẬN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2024

**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Phải nộp trong năm	Thực nộp trong năm	Được hoàn trong năm	Số cuối năm
- Thuế Giá trị gia tăng	469.020.283	2.415.203.114	2.377.861.041	-	506.362.356
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	(21.591.987)	783.561.820	807.200.000	-	(45.230.167)
- Thuế Thu nhập cá nhân	(72.503.396)	169.548.144	169.028.881	102.920.088	30.935.955
- Thuế Tài nguyên	117.197.300	793.623.200	764.322.100	-	146.498.400
- Thuế Nhà đất và Tiền thuê đất	(68.395.536)	232.648.452	164.252.916	-	-
- LN sau thuế phải nộp ngân sách Nhà nước	208.654.842	2.371.190.561	1.908.654.842	-	671.190.561
- Lệ phí môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-	-
<b>Trong đó</b>	<b>632.381.506</b>	<b>6.768.775.291</b>	<b>6.194.319.780</b>	<b>102.920.088</b>	<b>1.309.757.105</b>
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	794.872.425				1.354.987.272
- Thuế nộp thừa (thuyết minh số V.8)	(162.490.919)				(45.230.167)

# CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2024

## Thuế Giá trị gia tăng

- Phương pháp tính thuế : Theo phương pháp khấu trừ
- Thuế suất áp dụng
- + Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi : Không chịu thuế
  - + Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác : 5%
  - + Các hoạt động khác : 8% và 10%

## Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

- Công ty được miễn thuế TNDN từ hoạt động cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi bao gồm cả việc cung cấp cho các đối tượng được Nhà nước hỗ trợ và không thuộc diện được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi theo quy định tại Khoản 2, Điều 8 của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính.
- Công ty thực hiện tính thuế TNDN theo mức thuế suất quy định là 20% đối với thu nhập từ việc cung cấp sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác là cung cấp nước thô cho các nhà máy sản xuất nước sạch và phục vụ cho sản xuất khác. Do không tách riêng được chi phí từ việc cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi và sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác nên Công ty thực hiện phân bổ chi phí theo tiêu thức doanh thu đối với cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi và sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác.
- Đối với các hoạt động khác: Thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên Thu nhập tính thuế.

## Thuế Tài nguyên

Thuế Tài nguyên được tính cho việc sử dụng nước thiên nhiên (nước mặt). Cách xác định thuế tài nguyên nước:

$Khối lượng nước sử dụng (m^3) \times Giá tính thuế \times Thuế suất$

### ❖ Giá tính thuế tài nguyên

Giá tính thuế tài nguyên đối với nước thiên nhiên là nước mặt (áp dụng bảng quy định giá tối thiểu tính thuế tài nguyên theo Quyết định số 50/2022/QĐ-UBND ngày 24/8/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận).

- Nước dùng cho sản xuất nước sạch : 2.000 đồng/m<sup>3</sup>
- Nước phục vụ sản xuất dùng cho các mục đích khác : 3.000 đồng/m<sup>3</sup>

❖ **Thuế suất thuế tài nguyên**

- Nước dùng cho sản xuất nước sạch : 1%
- Nước phục vụ sản xuất dùng cho các mục đích khác : 3%

**Tiền thuê đất**

Tiền thuê đất phải nộp xác định theo Hợp đồng thuê đất số 17/KL//HĐ-TĐ ngày 28/11/2012 với Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Ninh Thuận làm đại diện.

Các nội dung cơ bản như sau:

- Mục đích thuê : Làm trụ sở văn phòng Công ty
- Địa điểm thuê : Phường Phước Mỹ, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm
- Diện tích đất thuê : 4.317,9 m<sup>2</sup>
- Thời gian sử dụng : 30 năm từ ngày 07/8/1999
- Hình thức thuê đất : Trả tiền thuê hàng năm.
- Đơn giá thuê : 52.800 Đồng/m<sup>2</sup>/năm theo Thông báo số 2456/TB-CT ngày 11/5/2021 của Cục thuế tỉnh Ninh Thuận. Đơn giá thuê ổn định trong 5 năm (từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2025).

**Thuế Thu nhập cá nhân**

Công ty thực hiện kê khai và trích nộp theo quy định hiện hành.

**Lợi nhuận sau thuế phải nộp ngân sách Nhà nước**

- Lợi nhuận còn lại sau thuế còn phải nộp ngân sách Nhà nước trong năm sau khi trích lập các quỹ chỉ là số dự kiến. Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá xếp loại doanh nghiệp và thống nhất phương án trích lập các quỹ theo quy định tại Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 và Thông tư 73/2018/TT-BTC ngày 15/8/2018 của Bộ Tài chính, Công ty mới tiến hành phân phối lợi nhuận.
- Tuy nhiên, để phù hợp với quy định của cơ quan thuế về nghĩa vụ phải nộp và phù hợp trong nguyên tắc hạch toán kế toán, Công ty tạm xác định và tạm nộp phần lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ dự kiến và quyết toán trước thời điểm quyết toán năm theo quy định tại Thông tư số 61/2016/TT-BTC ngày 11/4/2016 của Bộ Tài chính.

**Các loại thuế khác**

Công ty thực hiện kê khai và trích nộp theo quy định hiện hành.

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**  
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)  
Năm 2024

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

	Số cuối năm	Số đầu năm		
<b>13. Phải trả người lao động</b>	<b>7.163.263.523</b>	<b>8.409.142.752</b>		
Lương và các khoản thu nhập còn phải trả người lao động theo quyết toán quỹ lương thực hiện năm 2024 (Thuyết minh VII.2).				
<b>14. Chi phí phải trả ngắn hạn</b>	<b>43.200.000</b>	<b>43.200.000</b>		
Phí kiểm toán báo cáo tài chính.				
<b>15. Phải trả ngắn hạn khác</b>				
- Thuế TNCN hoàn lại cho người lao động	-	85.443.251		
- Các khoản phải trả khác	9.963.742	10.368.970		
<b>Cộng</b>	<b>9.963.742</b>	<b>95.812.221</b>		
<b>16. Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi</b>				
	Số đầu năm	Tăng trong năm (*)	Chi trong năm	Số cuối năm
- Quỹ Khen thưởng	3.090.270.123	1.259.155.643	600.708.333	3.748.717.433
- Quỹ Phúc lợi	1.410.962.542	1.888.733.465	1.846.927.000	1.452.769.007
- Quỹ khen thưởng Người quản lý	98.465.272	-	-	98.465.272
<b>Cộng</b>	<b>4.599.697.937</b>	<b>3.147.889.108</b>	<b>2.447.635.333</b>	<b>5.299.951.712</b>

(\*) Quỹ Khen thưởng, phúc lợi được bổ sung từ lợi nhuận của năm 2023 theo Quyết định số 162/QĐ-CTKTTL ngày 23/8/2024 của Chủ tịch Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận.

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**  
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)  
Năm 2024

**17. Vốn chủ sở hữu (CSH)**

STT	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>2.932.183.456.969</b>	<b>90.605.216.120</b>	<b>10.352.211.401</b>	<b>3.012.436.461.688</b>
17.1	Vốn góp của CSH	2.919.224.040.765	80.632.169.452	-	2.999.856.210.217
17.2	Quỹ đầu tư phát triển	5.990.225.204	2.081.375.978	3.414.291.473	4.657.309.709
17.3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	6.937.919.928	7.891.670.690	6.937.919.928	7.891.670.690
17.4	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	31.271.072	-	-	31.271.072
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí</b>	<b>28.223.397.027</b>	<b>42.514.001.361</b>	<b>67.603.165.388</b>	<b>3.134.233.000</b>
17.5	Nguồn kinh phí	28.223.397.027	42.514.001.361	67.603.165.388	3.134.233.000
17.51	Chi sự nghiệp	-	33.801.582.694	33.801.582.694	-
17.52	Nguồn kinh phí sự nghiệp	28.223.397.027	8.712.418.667	33.801.582.694	3.134.233.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.960.406.853.996</b>	<b>133.119.217.481</b>	<b>77.955.376.789</b>	<b>3.015.570.694.688</b>

**17.1 Vốn góp của chủ sở hữu**

- Số đầu năm	2.919.224.040.765
- Bổ sung từ quỹ Đầu tư phát triển	3.414.291.473
- Tăng do nhận bàn giao tài sản (*)	77.217.877.979
- <b>Số cuối năm</b>	<b>2.999.856.210.217</b>

(\*) Vốn góp của chủ sở hữu tăng tương ứng với giá trị quyết toán những tài sản cố định được bàn giao từ Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận (Thuyết minh V.9.3).

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**  
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)  
Năm 2024

**17.2 Quỹ đầu tư phát triển**

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	5.990.225.204	3.602.986.757
- Trích lập từ lợi nhuận 2023	2.081.375.978	2.387.238.447
- Chuyển bổ sung Vốn góp của CSH (*)	(3.414.291.473)	-
<b>- Số cuối năm</b>	<b>4.657.309.709</b>	<b>5.990.225.204</b>

(\*) Năm 2023, Công ty đã thực hiện đầu tư nâng cấp 06 công trình là các Nhà quản lý các hồ, đập và trụ sở Công ty từ nguồn quỹ Đầu tư phát triển của Công ty căn cứ Văn bản 558/UBND-KTTH ngày 20/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc đầu tư xây dựng các công trình, dự án năm 2023 từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận và Quyết định số 34/QĐ-CTKTTL ngày 23/02/2023 của Chủ tịch Công ty về việc phê duyệt danh mục công trình do Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận quản lý từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển của Công ty.

Trong năm, Công ty kết chuyển nguồn vốn, ghi giảm Quỹ đầu tư phát triển và tăng Vốn góp của chủ sở hữu tương ứng căn cứ vào các Quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành công trình, chi tiết như sau:

Số Quyết định	Công trình	Số tiền
- Quyết định 1550/QĐ-CTKTTL-KHKT ngày 24/7/2024	Nâng cấp nhà quản lý Hồ Phước Trung, huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận	518.151.200
- Quyết định 1551/QĐ-CTKTTL-KHKT ngày 24/7/2024	Nâng cấp nhà quản lý huyện Ma Trai, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận	165.545.494
- Quyết định 1552/QĐ-CTKTTL-KHKT ngày 24/7/2024	Nâng cấp nhà quản lý Hồ Tà Ranh, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận	293.641.498
- Quyết định 1553/QĐ-CTKTTL-KHKT ngày 24/7/2024	Nâng cấp nhà quản lý đập Lâm Cẩm, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận	191.168.263
- Quyết định 1554/QĐ-CTKTTL-KHKT ngày 24/7/2024	Sửa chữa, nâng cấp trụ sở Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận	1.491.787.278
- Quyết định 1663/QĐ-CTKTTL-KHKT ngày 15/8/2024	Làm mới nhà quản lý đầu mối Hồ Tân Giang, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận	753.997.740
<b>Cộng</b>		<b>3.414.291.473</b>

Ban thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc đồng thời với báo cáo tài chính





**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI NINH THUẬN**  
 Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)  
 Năm 2024

**17.3 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (CPP)**

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận chưa phân phối năm trước	6.937.919.928	7.957.461.491
- Phân phối lợi nhuận năm trước	(6.937.919.928)	(7.957.461.491)
+ Quỹ Đầu tư phát triển	(2.081.375.978)	(2.387.238.447)
+ Quỹ Khen thưởng	(1.259.155.643)	(1.213.657.959)
+ Quỹ Phúc lợi	(1.888.733.465)	(1.820.486.939)
+ Lợi nhuận nộp ngân sách Nhà nước	(1.708.654.842)	(2.536.078.146)
- Lợi nhuận CPP năm trước chuyển năm nay	-	-
- Lợi nhuận năm nay	7.891.670.690	6.937.919.928
- Phân phối lợi nhuận năm nay	-	-
- Lợi nhuận CPP lũy kế chuyển năm sau	<u>7.891.670.690</u>	<u>6.937.919.928</u>

Lợi nhuận năm 2023 được phân phối theo Quyết định số 162/QĐ-CTKTTL ngày 23/8/2024 của Chủ tịch Công ty và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận thông qua.

**17.5 Nguồn kinh phí**

	Năm nay	Năm trước
- Nguồn kinh phí sự nghiệp năm trước chuyển sang	28.223.397.027	134.233.000
- Nguồn kinh phí được cấp trong năm	8.712.418.667	28.089.164.027
- Chi sự nghiệp trong năm	(33.801.582.694)	-
- Nguồn kinh phí còn lại cuối năm (*)	<u>3.134.233.000</u>	<u>28.223.397.027</u>

**17.52 Nguồn kinh phí sự nghiệp**

Nguồn kinh phí sự nghiệp được ngân sách giải ngân nhưng chưa quyết toán:

Dự án	Số cuối năm	Số đầu năm
- Dự án xây dựng đập Tuấn Tú	3.000.000.000	-
- Lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án CTNC đập dâng Bà Rợ	50.000.000	50.000.000
- Lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án CTNC đập dâng Tà Cú	50.000.000	50.000.000
- Lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án xây dựng hệ thống tưới tiêu khu công nghiệp Phước Nam	34.233.000	34.233.000
- Sửa chữa hồ chứa nước Trà Co – Phước Nhơn	-	28.089.164.027
<b>Cộng</b>	<b>3.134.233.000</b>	<b>28.223.397.027</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2024**

	ĐVT: Đồng	
	Năm nay	Năm trước
<b>18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
- Doanh thu được ngân sách hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi	69.084.851.000	71.411.213.000
- Doanh thu phải thu tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi	680.943.956	568.328.314
- Doanh thu cung cấp sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác	32.969.207.358	28.547.375.758
- Doanh thu sử dụng nước từ công trình thủy lợi để phát điện	9.602.220.890	12.822.634.992
<b>Cộng</b>	<b>112.337.223.204</b>	<b>113.349.552.064</b>
<b>19. Giá vốn hàng bán</b>	<b>96.584.238.419</b>	<b>98.380.700.338</b>

Giá vốn cung cấp sản phẩm dịch vụ thủy lợi.

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI NINH THUẬN**  
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)  
Năm 2024

	Năm nay	Năm trước
<b>20. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>711.909.984</b>	<b>1.546.189.347</b>
Lãi tiền gửi tại các Ngân hàng thương mại.		
<b>21. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
- Chi phí nhân viên quản lý	4.514.271.966	5.754.632.153
- Chi phí vật liệu quản lý	140.480.115	151.423.094
- Chi phí đồ dùng văn phòng	426.960.508	461.810.354
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	462.333.734	361.743.462
- Thuế, phí và lệ phí	242.956.752	197.249.396
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	630.711.978	596.444.675
- Chi phí bằng tiền khác	1.636.364.801	1.432.124.568
<b>Cộng</b>	<b>8.054.079.854</b>	<b>8.955.427.702</b>
<b>22. Thu nhập khác</b>		
- Thu từ thanh lý tài sản	-	97.318.181
- Thu thanh lý vật liệu công trình hư hỏng thu hồi	193.351.999	-
- Các khoản giảm chi phí phải trả các công trình kỳ trước theo quyết định phê duyệt quyết toán	57.960.956	74.161.203
- Thu nhập khác	32.485.140	19.133.888
<b>Cộng</b>	<b>283.798.095</b>	<b>190.613.272</b>
<b>23. Chi phí khác</b>		
- Chi phí thanh lý	13.380.500	6.230.000
- Các khoản bị phạt, chậm nộp	6.000.000	1.426.950
<b>Cộng</b>	<b>19.380.500</b>	<b>7.656.950</b>

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2024

**24. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
- <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>8.675.232.510</b>	<b>7.742.569.693</b>
- Cộng (+) Chi phí không được trừ	73.815.042	178.628.190
- <b>Tổng thu nhập tính thuế</b>	<b>8.749.047.552</b>	<b>7.921.197.883</b>
<i>Trong đó</i>		
+ <i>Thu nhập được miễn thuế TNDN</i>	<i>4.831.238.451</i>	<i>3.933.622.796</i>
+ <i>Thu nhập từ hoạt động khác</i>	<i>3.917.809.101</i>	<i>3.987.575.087</i>
- Thuế suất thuế TNDN (hoạt động khác)	20%	20%
- <b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>783.561.820</b>	<b>797.515.017</b>
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	7.134.748
- <b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>783.561.820</b>	<b>804.649.765</b>

**25. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.023.829.356	1.561.398.476
- Chi phí nhân công	47.788.811.079	47.615.552.834
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.647.909.435	1.438.340.458
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.832.762.058	48.959.973.278
- Chi phí khác bằng tiền	8.364.386.845	7.768.519.944
<b>Cộng</b>	<b>104.657.698.773</b>	<b>107.343.784.990</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Thông tin về các khoản kinh phí được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi

Trong năm 2024, Doanh thu được Nhà nước hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi Công ty tính trên cơ sở các Quyết định số 1519/QĐ-UBND ngày 18/11/2024 của UBND tỉnh Ninh Thuận phê duyệt diện tích sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi được hỗ trợ theo nghiệm thu thanh lý năm 2024 theo từng biện pháp tưới nước, tiêu nước theo từng hệ thống công trình thủy lợi do Công ty quản lý; và Quyết định số 714/QĐ-UBND ngày 08/12/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quyết toán kinh phí được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích cho Công ty năm 2024 là: **69.084.851.000** đồng.

#### ❖ Tình hình cấp kinh phí được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi trong năm 2024

- Số kinh phí đã cấp phát năm 2024	:	75.110.053.000	Đồng
<i>Trong đó</i>			
+ Số kinh phí được cấp theo dự toán năm 2024	:	67.130.000.000	Đồng
+ Số cấp theo quyết toán năm 2023 còn thiếu	:	6.025.202.000	Đồng
- Số kinh phí hỗ trợ SPDVCI năm 2024 theo quyết toán	:	69.084.851.000	Đồng
- Số kinh phí hỗ trợ SPDVCI được cấp trong năm 2024	:	69.084.851.000	Đồng
- Số kinh phí hỗ trợ của năm 2024 còn thiếu	:		<b>0</b> Đồng

### 2. Thông tin về quỹ tiền lương năm 2024

- Tiền lương của người quản lý và thù lao của Kiểm soát viên không chuyên trách Công ty căn cứ theo Nghị định 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 và Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động thương binh và xã hội; được Hội đồng thẩm định tiền lương tỉnh thông qua theo Biên bản họp ngày 16/1/2025 và Văn bản số 335/UBND-KTTH ngày 24/1/2025 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc có ý kiến Quỹ tiền lương năm 2024 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận. Căn cứ quyết định số 37/QĐ-CTKTTL ngày 03/2/2025 của Chủ tịch Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận về việc phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý và kiểm soát viên Công ty năm 2024 là **1.714.455.575** đồng. Tổng quỹ thù lao thực hiện của kiểm soát viên không chuyên trách năm 2024 là: **55.150.320** đồng.
- Tổng thu nhập từ lương, thưởng và các khoản phụ cấp khác của Người quản lý Công ty trong năm là: **1.649.231.000** Đồng.

## CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2024

- Tổng thu nhập từ lương, thưởng và các khoản phụ cấp của Kiểm soát viên trong năm là: **317.103.000 Đồng.**
- Tiền lương của người lao động thực hiện theo Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 và Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động thương binh và xã hội; đã được Hội đồng thẩm định tiền lương tỉnh thông qua theo Biên bản họp ngày 16/01/2025. Căn cứ theo Quyết định số 36/QĐ-CT ngày 03/02/2025 của Chủ tịch Công ty về việc phê duyệt quyết toán tổng quỹ tiền lương thực hiện của người lao động năm 2024 là: **33.835.066.519 Đồng.**

### 3. Thông tin về khoản thu được ngân sách nhà nước cấp để thực hiện tu sửa các dự án, công trình trong năm 2024

Đối với nguồn vốn cấp qua kho bạc do công ty làm chủ đầu tư là đơn vị trung gian để quản lý và thanh toán nguồn vốn cho các đơn vị thi công nên công ty hạch toán thu chi theo số thực cấp trong năm tài chính năm 2024 và khoản phải trả đối với công trình quyết định phê duyệt quyết toán nhưng chưa cấp vốn.

### 4. Thông tin về việc bổ sung vốn điều lệ

- Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận sẽ thực hiện bổ sung vốn điều lệ cho phù hợp với giá trị vốn điều lệ hiện có trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Qua rà soát, Công ty đã phương án xác định vốn điều lệ và nguồn bổ sung vốn điều lệ cho phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 1, điều 2, Thông tư 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 của Bộ Tài chính tại Tờ trình số 239/TTr-CTKTTL ngày 19/4/2022 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận về việc phê duyệt phương án xác định vốn điều lệ và nguồn đầu tư bổ sung vốn điều lệ giai đoạn 2021 - 2025.
- Đã thực hiện các bước thẩm định của Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục thuế tỉnh. Đồng thời, căn cứ Văn bản số 9594/BTC-TCDN ngày 20/9/2022 của Bộ Tài chính về việc hồ sơ trình phê duyệt chủ trương đầu tư bổ sung vốn điều lệ của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, Sở Tài chính đã có Tờ trình số 3933/TTr-STC ngày 11/10/2022 và UBND tỉnh đã có Tờ trình số 186/TTr-UBND ngày 23/10/2022 trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư bổ sung vốn điều lệ cho Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận.
- Công ty đã bổ sung đầy đủ các hồ sơ kèm theo phương án xác định vốn điều lệ và nguồn đầu tư bổ sung vốn điều lệ giai đoạn 2021-2025 cho Bộ Tài chính tại Văn bản số 11916/BTC-TCDN ngày 02/11/2023 của Bộ Tài chính về việc quá trình bổ sung vốn điều lệ cho Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận.

## CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2024

- Ngày 12/01/2024, Văn phòng Chính phủ đã có Thông báo số 11/TB-VPCP của về kết luận của Phó Thủ tướng Lê Minh Khái tại cuộc họp về rà soát quá trình bổ sung vốn điều lệ cho doanh nghiệp nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế và Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.
- Công ty đã có Báo cáo số 64/CTKTTL-TV ngày 22/01/2024 về việc rà soát và hoàn thiện hồ sơ đề nghị bổ sung vốn điều lệ từ năm 2015 đến nay và Tờ trình số 07/TTr-CTKTTL ngày 22/01/2024 về việc phê duyệt phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đến thời điểm 31/12/2015 cho Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận (bổ sung quy trình xin chủ trương của Thủ tướng chính phủ đã trình năm 2016) trình cho Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ. Ngày 09/9/2024 Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Tờ trình số 110/TTr-UBND về việc trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư bổ sung vốn điều lệ cho Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận và Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Ninh Thuận;
- Hiện nay Công ty đang chờ phản hồi từ Văn phòng Chính phủ về chủ trương bổ sung vốn điều lệ cho Công ty giai đoạn 2021 - 2025.

### 5. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Ban Giám đốc của Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán 2024 cho đến ngày phát hành Báo cáo tài chính này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI NINH THUẬN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2024

**6. Báo cáo theo bộ phận**

	Diễn giải	Tiêu thức phân bổ	Doanh thu dịch vụ thủy lợi công ích (được hỗ trợ và không được hỗ trợ)	Doanh thu dịch vụ thủy lợi khác	Cộng Hoạt động kinh doanh dịch vụ thủy lợi	Hoạt động khác (Thu nhập tài chính và thu nhập khác)	Tổng cộng
<b>I</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6 = 4+8</b>	<b>7</b>	<b>8=6+7</b>
<b>I</b>	<b>Doanh thu</b>		<b>69.765.794.956</b>	<b>42.571.428.248</b>	<b>112.337.223.204</b>	<b>995.708.079</b>	<b>113.332.931.283</b>
	Tỷ trọng		62,10%	37,90%	100%		
<b>II</b>	<b>Tổng chi phí</b>		<b>64.980.395.647</b>	<b>39.657.922.626</b>	<b>104.638.318.273</b>	<b>19.380.500</b>	<b>104.657.698.773</b>
I	Chi phí sửa chữa thường xuyên công trình	theo doanh thu	26.217.934.947	16.000.961.908	42.218.896.855	-	42.218.896.855
-	Chi phí sửa chữa công trình thường xuyên dưới 50trđ	theo doanh thu	2.863.929.081	1.747.872.981	4.611.802.062	-	4.611.802.062
-	Chi phí sửa chữa công trình không thường xuyên	theo doanh thu	92.317.089	56.341.670	148.658.759	-	148.658.759
-	Chi phí tu sửa công trình + nạo vét công trình thường xuyên trên 50trđ	theo doanh thu	23.261.688.777	14.196.747.257	37.458.436.034	-	37.458.436.034
2	Chi phí điện bộ phận sản xuất	theo doanh thu	2.914.796.939	1.778.917.939	4.693.714.878	-	4.693.714.878
3	Chi phí hoạt động	theo doanh thu	30.846.080.172	18.825.546.514	49.671.626.686	-	49.671.626.686
4	Chi phí quản lý	theo doanh thu	5.001.583.589	3.052.496.265	8.054.079.854	-	8.054.079.854
5	Chi phí khác	theo thực tế	-	-	-	19.380.500	19.380.500
<b>III</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>4.785.399.309</b>	<b>2.913.505.622</b>	<b>7.698.904.931</b>	<b>976.327.579</b>	<b>8.675.232.510</b>



**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THUÝ LỢI NINH THUẬN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2024

	Diễn giải	Tiêu thức phân bổ	Doanh thu dịch vụ thủy lợi công ích (được hỗ trợ và không được hỗ trợ)	Doanh thu dịch vụ thủy lợi khác	Cộng Hoạt động kinh doanh dịch vụ thủy lợi	Hoạt động khác (Thu nhập tài chính và thu nhập khác)	Tổng cộng
<b>A</b>	<b>Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận chịu thuế</b>		<b>45.839.142</b>	<b>27.975.900</b>	<b>73.815.042</b>	-	<b>73.815.042</b>
1	Thù lao và các khoản chi cho KSV không trực tiếp điều hành	theo doanh thu	37.353.349	22.796.971	60.150.320	-	60.150.320
2	Các khoản chi chưa đủ điều kiện ghi nhận chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	theo doanh thu	4.746.614	2.896.886	7.643.500	-	7.643.500
3	Các khoản phải nộp khác	theo doanh thu	3.739.179	2.282.043	6.021.222	-	6.021.222
<b>B</b>	<b>Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận chịu thuế</b>						
<b>IV</b>	<b>Lợi nhuận tính thuế</b>		<b>4.831.238.451</b>	<b>2.941.481.522</b>	<b>7.772.719.973</b>	<b>976.327.579</b>	<b>8.749.047.552</b>
<b>V</b>	<b>Nộp Ngân sách nhà nước</b>		<b>2.517.528.250</b>	<b>3.886.433.381</b>	<b>6.403.961.631</b>	<b>195.265.516</b>	<b>6.599.227.147</b>
1	Thuế TNDN		-	588.296.304	588.296.304	195.265.516	783.561.820
+	Thuế TNDN năm nay (T.suất 20%)		-	588.296.304	588.296.304	195.265.516	783.561.820
+	Thuế TNDN năm trước phải nộp		-	-	-	-	-
2	Thuế GTGT	Thực tế	-	2.415.203.114	2.415.203.114	-	2.415.203.114
3	Thuế đất và tiền thuê đất	Phân bổ	144.474.689	88.173.763	232.648.452	-	232.648.452
4	Thuế tài nguyên	Thực tế	-	793.623.200	793.623.200	-	793.623.200
5	Lệ phí môn bài và các khoản phải nộp khác	Phân bổ	1.863.000	1.137.000	3.000.000	-	3.000.000
6	Lợi nhuận còn lại phải nộp NSNN		2.371.190.561	-	2.371.190.561	-	2.371.190.561
<b>VI</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>		<b>4.785.399.309</b>	<b>2.325.209.318</b>	<b>7.110.608.627</b>	<b>781.062.063</b>	<b>7.891.670.690</b>

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THUỖ LỢI NINH THUẬN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2024

**7. Việc phân phối lợi nhuận sau thuế của năm nay**

Sau khi UBND tỉnh có quyết định đánh giá xếp loại doanh nghiệp năm 2024, Công ty sẽ lập phương án phân phối lợi nhuận trình UBND thông qua trước khi thực hiện trích lập các quỹ theo quy định tại Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 và Quy chế tài chính của Công ty do UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 378/QĐ-UBND ngày 07/10/2016. Tuy nhiên, để kịp thời quyết toán phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ phải nộp về NSNN, Công ty tạm thời trích lập các quỹ theo dự kiến doanh nghiệp xếp loại A, cụ thể như sau:

**Bảng kê chi tiết phân bổ lợi nhuận theo tỷ lệ doanh thu năm 2024**

STT	Nội dung	Doanh thu được NSNN hỗ trợ Sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi được NSNN hỗ trợ	Doanh thu hoạt động khác			Tổng cộng
			Sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi tự thu	Sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác	Thu từ hoạt động khác	
1	Tổng doanh thu	69.084.851.000	680.943.956	42.571.428.248	995.708.079	113.332.931.283
	Tỷ lệ %	61,50	0,60	37,90		
2	Tổng chi phí	64.346.159.232	634.236.415	39.657.922.626	19.380.500	104.657.698.773
3	Lợi nhuận trước thuế	4.738.691.768	46.707.541	2.913.505.622	976.327.579	8.675.232.510
4	Thuế TNDN phải nộp	-	-	588.296.304	195.265.516	783.561.820
5	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>4.738.691.768</b>	<b>46.707.541</b>	<b>2.325.209.318</b>	<b>781.062.063</b>	<b>7.891.670.690</b>
	Trong đó					
5.1	Lợi nhuận từ hoạt động công ích thủy lợi được NSNN hỗ trợ					4.738.691.768
5.2	Lợi nhuận từ hoạt động công ích thủy lợi tự thu, và thu từ sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác, và doanh thu từ hoạt động khác					3.152.978.922

**Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 dự kiến**

STT	Nội dung	Lợi nhuận từ hoạt động công ích thủy lợi được NSNN hỗ trợ	Lợi nhuận từ hoạt động công ích thủy lợi tự thu, thu từ sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác, và doanh thu từ hoạt động khác	Tổng cộng
1	Lợi nhuận sau thuế	4.738.691.768	3.152.978.922	7.891.670.690
2	<b>Phương án trích lập các quỹ</b>			
2.1	Quỹ đầu tư phát triển (tỷ lệ 30%)	2.367.501.207	-	2.367.501.207
2.2	Quỹ khen thưởng phúc lợi		3.152.978.922	3.152.978.922
2.3	Quỹ thưởng người quản lý	-	-	-
2.4	Lợi nhuận từ SPDV công ích thủy lợi còn lại phải nộp về NSNN	2.371.190.561		2.371.190.561

**8. Thông tin tài chính có liên quan đến Báo cáo tài chính**

Các văn bản luật ban hành có hiệu lực trong năm 2024 như sau:

- Nghị định số 21/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. **Nghị định này có hiệu lực từ ngày 10/4/2024.**
- Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ, Quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội. Theo đó, giảm thuế giá trị gia tăng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% xuống 8%. **Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024 đến hết ngày 31/12/2024.**
- Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ, Quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động. Nghị định này thay thế Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 của Chính phủ. **Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024.**



**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2024

- Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024 đến hết ngày 31/12/2024.

Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, ngày 26 tháng 02 năm 2025

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Chủ tịch Công ty**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty

**Võ Phạm Bảo Thu**

**Lê Phước**

**Nguyễn Công Xung**

